PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu

Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.[1]

---

[1] Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu."

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu trên lãnh thổ Việt Nam hoặc từ Việt Nam ra nước ngoài.

2. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia các hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Biểu diễn nghệ thuật là trình diễn chương trình, tiết mục, vở diễn trực tiếp trước công chúng của người biểu diễn.

2. Loại hình nghệ thuật biểu diễn bao gồm: Tuồng, chèo, cải lương, xiếc, múa rối, bài chòi, kịch nói, kịch dân ca, kịch câm, nhạc kịch, giao hưởng, ca, múa, nhạc, ngâm thơ, tấu hài, tạp kỹ và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

3. Trình diễn thời trang là hoạt động nhằm giới thiệu các sản phẩm thời trang đến với công chúng qua sự trình diễn của người trình diễn thời trang.

4. Thi người đẹp là hoạt động văn hóa nhằm tuyển chọn người phụ nữ có đạo đức tốt, có hình thể cân đối, có khuôn mặt đẹp, hiểu biết về văn hóa, xã hội theo những tiêu chí nhất định để trao giải.

5. Thi người mẫu là hoạt động văn hóa nhằm tuyển chọn người mẫu nam hoặc nữ có hình thể đẹp đáp ứng những tiêu chí của cuộc thi đề ra.

Điều 3. Chính sách của Nhà nước

1. Nhà nước ban hành các chính sách sau đây:

a) Khuyến khích tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu theo quy định của pháp luật;

b) Đầu tư cho việc sưu tầm, nghiên cứu, giữ gìn, phát huy giá trị các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa nghệ thuật thế giới;

c) Tài trợ biểu diễn nghệ thuật phục vụ tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn;

d) Tài trợ, đặt hàng sáng tác, dàn dựng và biểu diễn tác phẩm nghệ thuật chất lượng cao, tác phẩm nghệ thuật phục vụ thiếu niên, nhi đồng;

đ) Đào tạo, bồi dưỡng tài năng nghệ thuật trẻ.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện các chính sách quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 4. Nội dung quản lý nhà nước

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

2. Quản lý công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý nhà nước về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

3. Quản lý hợp tác quốc tế về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

4. Cấp, thu hồi giấy phép biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu trên lãnh thổ Việt Nam hoặc từ Việt Nam ra nước ngoài.

5. Thực hiện công tác khen thưởng đối với biểu diễn nghệ thuật, tổ chức liên hoan, hội thi về biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

6. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

Điều 5. Cơ quan quản lý nhà nước

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

Cục Nghệ thuật biểu diễn là cơ quan giúp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện công tác quản lý nhà nước về biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu trên phạm vi toàn quốc.[2]

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý nhà nước về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu trong phạm vi địa phương.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu trong phạm vi địa phương.[3]

Điều 6. Những quy định cấm

1. Vi phạm các quy định tại Điều 3 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ.

2. Đối với tổ chức, cá nhân biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu:

a) Thay đổi nội dung, thêm động tác diễn xuất khác với nội dung đã được phép biểu diễn;

b) Quảng cáo mạo danh nghệ sĩ, đoàn nghệ thuật; quảng cáo người biểu diễn không đúng nội dung đã được cấp phép;

c) Sử dụng trang phục hoặc hóa trang không phù hợp với mục đích, nội dung biểu diễn và thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam.

d) Sử dụng bản ghi âm để thay cho giọng thật của người biểu diễn hoặc thay cho âm thanh thật của nhạc cụ biểu diễn;

đ) Thực hiện hành vi thiếu văn hóa hoặc hành vi làm ảnh hưởng xấu đến quan hệ đối ngoại;

e) Tổ chức biểu diễn cho người đã bị cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch cấm biểu diễn.

3. Đối với tổ chức, cá nhân lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu:

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

a) Thêm, bớt hình ảnh hoặc âm thanh làm thay đổi nội dung bản ghi âm, ghi hình đang được phép lưu hành;

b) Nhân bản bản ghi âm, ghi hình cấm lưu hành hoặc đã có quyết định thu hồi, tịch thu, tiêu hủy;

c) Nhân bản bản ghi âm, ghi hình mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu bản quyền.

4. Phổ biến tác phẩm nghệ thuật có nội dung không phù hợp với giá trị đạo đức, văn hóa và truyền thống của dân tộc.

5. Vi phạm các quy định của pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu[4]

1. Trách nhiệm của chủ địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu:

a) Không được phát hành vé quá số ghế hoặc quá sức chứa nơi tổ chức biểu diễn nhằm bảo đảm chất lượng chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu;

b) Bảo đảm âm thanh biểu diễn không vượt quá quy định về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép;

c) Bảo đảm an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ theo quy định;

d) Phải có nội quy, quy định niêm yết tại địa điểm;

đ) Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương nơi tổ chức biểu diễn cho phép;

e) Phải có giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu theo quy định.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu:

a) Thông báo bằng văn bản về nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao nơi tổ chức biểu diễn trong thời hạn ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức;

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

b) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan;

c) Thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép được cấp và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Thực hiện đúng quy định của pháp luật ở nước sở tại và có văn bản báo cáo kết quả với cơ quan cấp giấy phép trong thời hạn 07 ngày sau khi về nước (đối với trường hợp ra nước ngoài tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu);

đ) Trao giải thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải ngay sau khi công bố kết quả cuộc thi;

e) Thu hồi danh hiệu, giải thưởng trao cho cá nhân đạt giải cuộc thi người đẹp, người mẫu khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép chấp thuận;

g) Biên tập các tiết mục biểu diễn phù hợp với lứa tuổi, giới tính khi tổ chức cho trẻ em biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang và phải được sự đồng ý của người giám hộ theo đúng quy định của pháp luật;

h) Không phổ biến, lưu hành hình ảnh cá nhân; chương trình, tiết mục biểu diễn và thực hiện các hành vi có nội dung, hình thức trái với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam trên mạng viễn thông;

i) Không công bố, sử dụng danh hiệu đạt được tại các cuộc thi người đẹp, người mẫu do tham dự trái phép mà có.

3. Trách nhiệm của người biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thí sinh thi người đẹp, người mẫu:

a) Chỉ được biểu diễn các bài hát, vở diễn đã được phép phổ biến; trình diễn các bộ sưu tập và thiết kế thời trang theo đúng nội dung giấy phép;

b) Đối với cá nhân là người Việt Nam dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế phải chấp hành quy định của Ban tổ chức cuộc thi và pháp luật nước sở tại;

c) Giữ gìn đạo đức, hình ảnh và danh hiệu của người đạt giải phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam và đúng quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu:

a) Chỉ được nhân bản bản ghi âm, ghi hình đã được cấp giấy phép phê duyệt nội dung;

b) Chỉ được bán, cho thuê bản ghi âm, ghi hình có dán nhãn kiểm soát theo quy định;

c) Không thu âm, thu hình các chương trình, tiết mục có nội dung trái với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam;

d) Không phổ biến, lưu hành bản ghi âm, ghi hình chưa được phê duyệt nội dung; bản ghi âm, ghi hình có nội dung, hình thức trái với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam trên mạng viễn thông.

5. Thực hiện nộp thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7a. Thu hồi giấy phép biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu[5]

1. Căn cứ thu hồi giấy phép biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu:

Tổ chức, cá nhân biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu vi phạm một trong các nội dung quy định tại Điều 6 và các Điểm a, b, c, g, h Khoản 2, các Điểm a, b Khoản 3, Khoản 5 Điều 7 Nghị định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

Chương II
BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT, TRÌNH DIỄN THỜI TRANG

Điều 8. Đối tượng biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

1. Đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang bao gồm:

a) Nhà hát; Đoàn nghệ thuật; Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa, Thể thao;

b) Nhà hát, đoàn nghệ thuật thuộc lực lượng vũ trang;

c) Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;[6]

d) Hội Văn học, nghệ thuật; cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật;

---

[5] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

đ) Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình;

e) Chủ địa điểm, hộ kinh doanh tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;

2. Đối tượng biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

a) Cá nhân là người Việt Nam;

b) Cá nhân là người nước ngoài;

c) Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Điều 9. Thẩm quyền và thủ tục cấp, thu hồi giấy phép biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang[7]

1. Thẩm quyền và thủ tục cấp, thu hồi giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại Việt Nam:

a) Thẩm quyền:

- Cục Nghệ thuật biểu diễn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định nội dung, hình thức chương trình, vở diễn và cấp, thu hồi giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho đối tượng quy định tại các Điểm a, b, d và đ Khoản 1 Điều 8 Nghị định này thuộc cơ quan Trung ương và đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 trong trường hợp được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho phép mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, thẩm định nội dung, hình thức chương trình, vở diễn và cấp, thu hồi giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho đối tượng quy định tại các Điểm a, c, d, và đ Khoản 1 Điều 8 Nghị định này thuộc địa phương.

b) Thủ tục:

Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao. Hồ sơ gồm:

- 01 đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Mẫu số 01);

- 01 bản nội dung chương trình, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn; danh mục bộ sưu tập và mẫu phác thảo thiết kế đối với trình diễn thời trang;

- 01 bản nhạc hoặc kịch bản đối với tác phẩm đề nghị công diễn lần đầu (đối với bản nhạc hoặc kịch bản sử dụng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt và chứng nhận của công ty dịch thuật);

---

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

- 01 văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả hoặc bản sao hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả;

- 01 bản sao chứng thực quyết định cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (đối với chương trình có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài);

- 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định này nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

2. Thẩm quyền và thủ tục cấp, thu hồi giấy phép cho đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này mời tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang:

a) Thẩm quyền:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp, thu hồi giấy phép cho đối tượng quy định tại các Điểm a, d và đ Khoản 1 Điều 8 Nghị định này thuộc cơ quan Trung ương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang và đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang từ 02 tỉnh, thành phố trở lên hoặc không trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi thành lập doanh nghiệp;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, thu hồi giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương quy định tại các Điểm a, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 8 Nghị định này mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang trong phạm vi địa phương;

- Cục Nghệ thuật biểu diễn cấp và thu hồi giấy phép cho đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này mời cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

b) Thủ tục:

Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này mời tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao. Hồ sơ gồm:

- 01 đơn đề nghị cấp phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Mẫu số 02);

- 01 bản sao văn bản thỏa thuận với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật);

- 01 bản sao hộ chiếu và văn bản nhận xét của cơ quan ngoại giao Việt Nam tại nước sở tại (đối với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài);

- 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định này nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

3. Thẩm quyền và thủ tục cấp, thu hồi giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang:

a) Thẩm quyền:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp, thu hồi giấy phép cho các đối tượng quy định tại các Điểm a, d và đ Khoản 1 Điều 8 Nghị định này thuộc cơ quan Trung ương;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, thu hồi giấy phép cho đối tượng quy định tại các Điểm a, c, d và đ Khoản 1 Điều 8 Nghị định này thuộc địa phương.

b) Thủ tục:

Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao. Hồ sơ gồm:

- 01 đơn đề nghị cấp phép ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Mẫu số 03);

- 01 bản nội dung chương trình, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn; danh mục bộ sưu tập và mẫu phác thảo thiết kế đối với trình diễn thời trang;

- 01 bản nhạc hoặc kịch bản đối với tác phẩm đề nghị công diễn lần đầu;

- 01 bản sao văn bản thỏa thuận với tổ chức nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật);

- 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định này nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

Điều 10. Thời hạn cấp phép và hiệu lực của giấy phép

1. Thời hạn thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại Việt Nam hoặc ra nước ngoài. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Đối với các chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang phục vụ nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ, lễ hội, chương trình có bán vé thu tiền và các chương trình biểu diễn với mục đích khác, khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu duyệt chương trình, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép phải tổ chức để Hội đồng nghệ thuật duyệt chương trình trước khi biểu diễn.

2. Hiệu lực của giấy phép:[8]

a) Giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp có hiệu lực trên phạm vi toàn quốc;

b) Giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài vào tỉnh, thành phố biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp có hiệu lực trong phạm vi địa phương;

c) Giấy phép cho nghệ sĩ là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước biểu diễn do Cục Nghệ thuật biểu diễn cấp có thời hạn tối đa 06 tháng;

d) Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang có hiệu lực trên phạm vi toàn quốc, trừ trường hợp hạn chế về địa điểm biểu diễn quy định trong giấy phép. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép cấp cho chương trình ca, múa, nhạc tối đa 06 tháng và giấy phép cấp cho chương trình sân khấu tối đa 12 tháng.

Điều 11. Biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang của tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

1. Khi tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại trụ sở không phải đề nghị cấp giấy phép nhưng phải thực hiện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

2. Khi tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang ngoài trụ sở hoặc nơi cư trú, phải thông qua đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định này. Trường hợp mời tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

Điều 12. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang không bán vé, thu tiền

1. Tổ chức, cá nhân tổ chức cho đoàn nghệ thuật, người Việt Nam biểu diễn nhằm mục đích phục vụ nội bộ tại trụ sở hoặc biểu diễn tại các cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát không bán vé, thu tiền xem biểu diễn, không phải đề nghị cấp giấy phép nhưng phải thực hiện các quy định có liên quan tại các Điểm a, b, c, d, đ Khoản 1, các Điểm a, b, g Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 7 và các quy định khác tại Nghị định này.[9]

2. Trong chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang có sự tham gia của cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

Điều 13. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang của lực lượng vũ trang

1. Tổ chức thuộc lực lượng vũ trang tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang phục vụ nội bộ, phục vụ nhiệm vụ chính trị; tổ chức, cá nhân thuộc lực lượng vũ trang ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; tổ chức, cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang thực hiện theo quy định của Bộ chủ quản.

2. Trường hợp tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang nhằm mục đích kinh doanh thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

Điều 14. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang của cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình[10]

1. Các hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình phải đề nghị cấp giấy phép:

a) Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình liên kết với các đơn vị, doanh nghiệp tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang khác để dàn dựng, tổ chức chương trình biểu diễn trực tiếp trước công chúng, khán giả;

b) Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang có phát hành vé cho khán giả xem trực tiếp chương trình biểu diễn.

---

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

[10] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

2. Các hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, người đứng đầu cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình chịu trách nhiệm về nội dung chương trình và không phải đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang. Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình gửi văn bản thông báo theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định này để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về xử phạt hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

Điều 15. Biểu diễn nghệ thuật quần chúng

1. Khi tổ chức biểu diễn nghệ thuật quần chúng không phải đề nghị cấp giấy phép nhưng phải thực hiện các Điểm a, b, c, d, đ Khoản 1, các Điểm a, b, g Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 7 Nghị định này và các quy định cụ thể sau:[11]

a) Khi tổ chức trong khu dân cư, trong nội bộ nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị hoặc đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cơ sở do người tổ chức chịu trách nhiệm;

b) Khi tổ chức ngoài phạm vi nội bộ, phải thông báo bằng văn bản về mục đích, phạm vi, nội dung chương trình, thời gian, địa điểm biểu diễn với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi biểu diễn ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày biểu diễn.

2. Đoàn nghệ thuật quần chúng khi biểu diễn ở địa phương khác phải thông báo bằng văn bản cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại địa phương nơi biểu diễn ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày biểu diễn về nội dung chương trình, thời gian, địa điểm biểu diễn, người chịu trách nhiệm tổ chức.

3. Đoàn nghệ thuật quần chúng khi biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang có bán vé, thu tiền thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

Điều 16. Tổ chức các cuộc thi và liên hoan các loại hình nghệ thuật

Việc tổ chức thi và liên hoan các loại hình nghệ thuật do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Chương III
THI NGƯỜI ĐẸP VÀ NGƯỜI MẪU

Điều 17. Đối tượng tổ chức thi người đẹp và người mẫu[12]

---

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

[12] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

1. Tổ chức Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hóa, nghệ thuật hoặc quyết định thành lập có chức năng hoạt động văn hóa, nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tổ chức nước ngoài phối hợp với tổ chức Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hóa, nghệ thuật hoặc quyết định thành lập có chức năng hoạt động văn hóa, nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tổ chức cuộc thi tại Việt Nam.

Điều 18. Tên gọi và số lượng các cuộc thi người đẹp trong nước

1. Cuộc thi người đẹp có quy mô toàn quốc được gọi tên là thi Hoa hậu.

2. Đối với cuộc thi người đẹp khác, căn cứ vào mục đích, ý nghĩa và tiêu chí cuộc thi, Ban tổ chức đặt tên cho phù hợp.

3. Số lượng các cuộc thi người đẹp hàng năm được quy định như sau:

a) Đối với cuộc thi người đẹp có quy mô toàn quốc mỗi năm tổ chức không quá 02 lần;

b) Đối với cuộc thi người đẹp vùng, ngành, đoàn thể trung ương, mỗi năm tổ chức không quá 03 lần;

c) Đối với cuộc thi người đẹp cấp tỉnh, mỗi năm tổ chức không quá 01 lần;

d) Đối với cuộc thi người đẹp quốc tế tổ chức tại Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ căn cứ vào tình hình cụ thể của từng năm để xem xét, quyết định.

Điều 19. Điều kiện đối với thí sinh dự thi người đẹp, người mẫu trong nước

1. Đối với thí sinh dự thi người đẹp:

a) Là nữ công dân Việt Nam, từ đủ mười tám tuổi trở lên, có vẻ đẹp tự nhiên;

b) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;

c) Không có tiền án; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Đáp ứng các tiêu chí của cuộc thi do Ban tổ chức quy định.

2. Đối với thí sinh dự thi người mẫu:

a) Là nam, nữ công dân Việt Nam, từ đủ mười tám tuổi trở lên;

b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm b, c, d Khoản 1 Điều này.

Điều 20. Thẩm quyền cấp, thu hồi giấy phép tổ chức thi người đẹp và người mẫu[13]

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp, thu hồi giấy phép tổ chức thi người đẹp và người mẫu đối với:

---

[13] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

a) Cuộc thi người đẹp có quy mô toàn quốc;

b) Cuộc thi người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam;

c) Cuộc thi người đẹp quốc tế tổ chức tại Việt Nam.

2. Cục Nghệ thuật biểu diễn cấp, thu hồi giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu đối với:

a) Cuộc thi người mẫu có quy mô toàn quốc;

b) Cuộc thi người đẹp có quy mô vùng, ngành, đoàn thể trung ương.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, thu hồi giấy phép tổ chức thi người đẹp và người mẫu đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương.

Điều 21. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu[14]

1. Tổ chức đề nghị cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, đến Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao. Hồ sơ gồm:

a) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức cuộc thi (Mẫu số 04);

b) 01 đề án tổ chức cuộc thi, trong đó nêu rõ: Thể lệ cuộc thi, quy chế hoạt động của Ban tổ chức, Ban giám khảo;

c) 01 văn bản chấp thuận địa điểm đăng cai tổ chức vòng chung kết cuộc thi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cơ quan cấp phép (không áp dụng đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu cấp tỉnh);

d) 01 bản sao chứng thực hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận giữa tổ chức Việt Nam với tổ chức nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật, đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam);

đ) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định này nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

2. Tổ chức nước ngoài tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế tại Việt Nam phải phối hợp với tổ chức Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hóa, nghệ thuật hoặc quyết định thành lập có chức năng hoạt động văn hóa, nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tổ chức Việt Nam nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

---

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

3. Thời hạn cấp phép:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc (đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước) và 30 ngày làm việc (đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thủ tục nộp hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu.

Điều 22. Điều kiện và thủ tục cấp giấy phép dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế[15]

1. Điều kiện đối với thí sinh:

a) Đã đạt danh hiệu chính tại các cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước;

b) Được một tổ chức Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hóa, nghệ thuật hoặc quyết định thành lập có chức năng hoạt động văn hóa, nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm đại diện thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế và đưa đi dự thi.

2. Thủ tục cấp giấy phép cho thí sinh tham dự cuộc thi người đẹp và người mẫu quốc tế:

Tổ chức đại diện đề nghị cấp giấy phép dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Nghệ thuật biểu diễn. Hồ sơ gồm:

a) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép dự thi (Mẫu số 05);

b) 01 bản sơ yếu lý lịch của thí sinh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận;

c) 01 đơn đăng ký dự thi của thí sinh;

d) 01 bản sao giấy mời tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế của tổ chức nước ngoài;

đ) 01 bản sao bằng chứng nhận danh hiệu của cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước;

---

[15] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

e) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định này nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

3. Thời hạn cấp giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Nghệ thuật biểu diễn cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương IV
LƯU HÀNH, KINH DOANH BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH CA MÚA NHẠC, SÂN KHẤU; PHỔ BIẾN TÁC PHẨM

Điều 23. Bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu

1. Bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu được lưu hành và kinh doanh quy định tại Nghị định này bao gồm băng cát-xét, băng video, đĩa CD, VCD, DVD, CD-ROM, đĩa vi tính, Ic chips và các loại phương tiện, thiết bị vật liệu khác có nội dung các loại hình nghệ thuật biểu diễn, thời trang, người đẹp và thể thao.

2. Các tổ chức, cá nhân lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu thực hiện quy định của Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 24. Thẩm quyền và thủ tục cấp, thu hồi giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu[16]

1. Bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này cấp giấy phép phê duyệt nội dung.

2. Thẩm quyền cấp, thu hồi giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu:

a) Cục Nghệ thuật biểu diễn tiếp nhận hồ sơ, cấp, thu hồi giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu do các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương sản xuất hoặc nhập khẩu;

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, cấp, thu hồi giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu do các tổ chức thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu.

---

[16] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

3. Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm ghi hình ca múa nhạc, sân khấu:

Tổ chức đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao. Hồ sơ gồm:

a) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung (Mẫu số 06);

b) 01 danh mục tác giả, tác phẩm, người biểu diễn;

c) 01 bản nhạc và lời hoặc kịch bản văn học (đối với tác phẩm nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật);

d) 01 bản ghi âm, ghi hình có nội dung ca múa nhạc, sân khấu;

đ) 01 văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả hoặc bản sao hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả;

e) 01 bản sao chứng thực quyết định phổ biến tác phẩm và quyết định cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn nghệ thuật (nếu trong chương trình có sử dụng tác phẩm sáng tác trước năm 1975, tác phẩm do người Việt Nam định cư ở nước ngoài sáng tác và nghệ sỹ là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn);

g) 01 mẫu thiết kế vỏ bản ghi âm, ghi hình;

h) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định này nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

4. Thời hạn cấp giấy phép:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm cấp giấy phép phê duyệt nội dung. Trường hợp cần gia hạn thời hạn thẩm định, cấp phép cũng không quá 07 ngày làm việc. Trường hợp không cấp giấy phép phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu được cấp giấy phép phê duyệt nội dung, trước khi lưu hành rộng rãi phải dán nhãn kiểm soát. Nhãn kiểm soát do tổ chức sản xuất, lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình in và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

a) Thông tin trên nhãn kiểm soát phải thể hiện các nội dung sau: Chủ đề chương trình; số, ngày và cơ quan cấp giấy phép phê duyệt nội dung; số lượng bản ghi âm, ghi hình phát hành; địa chỉ, số điện thoại liên hệ và tên tổ chức được cấp phép phê duyệt nội dung;

b) Bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu được cấp giấy phép phê duyệt nội dung và dán nhãn kiểm soát có hiệu lực lưu hành trên toàn quốc và khai báo hải quan khi thực hiện xuất khẩu.

Điều 25.[17] ***(được bãi bỏ)***

Điều 26. Lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu[18]

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình, tổ chức được cấp phép có trách nhiệm nộp lưu chiểu đến cơ quan cấp giấy phép và Cục Nghệ thuật biểu diễn, mỗi nơi 02 bản ghi âm, ghi hình thành phẩm (đã dán nhãn kiểm soát). Cơ quan nhận lưu chiểu có trách nhiệm lưu giữ bản ghi âm, ghi hình trong thời hạn 02 năm, hết thời hạn trên, cơ quan nhận lưu chiểu xử lý bản ghi âm, ghi hình lưu chiểu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 27. Phân phối bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài[19]

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được phân phối bản ghi âm ca múa nhạc, sân khấu trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài không được trực tiếp phân phối bản ghi hình ca múa nhạc, sân khấu trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 28. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu thực hiện theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về thương mại và đầu tư.[20]

---

[17] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

[18] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

[19] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

[20] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu không nhằm mục đích kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 29. Phổ biến tác phẩm âm nhạc, sân khấu

1. Tổ chức, cá nhân phổ biến tác phẩm âm nhạc, sân khấu trực tiếp trước công chúng và nơi công cộng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

2. Các tác phẩm âm nhạc, sân khấu sáng tác trước năm 1975 hoặc tác phẩm của người Việt Nam đang sinh sống và định cư ở nước ngoài phát hành dưới hình thức xuất bản phẩm phải thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều này và các quy định của pháp luật về xuất bản.[21]

3. Tổ chức, cá nhân muốn phổ biến tác phẩm sáng tác trước năm 1975 hoặc tác phẩm của người Việt Nam đang sinh sống và định cư ở nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Nghệ thuật biểu diễn. Hồ sơ gồm:[22]

a) 01 đơn đề nghị cấp phép phổ biến tác phẩm sáng tác trước năm 1975 hoặc tác phẩm của người Việt Nam định cư ở nước ngoài (Mẫu số 08);

b) 01 bản sao bản nhạc hoặc kịch bản sân khấu (có chứng nhận của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm);

c) 01 bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của tác giả (đối với cá nhân đề nghị cho phép phổ biến);

d) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định này nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu);

đ) 01 bản sao văn bản nhận xét của cơ quan ngoại giao Việt Nam tại nước sở tại (đối với cá nhân đề nghị phổ biến lần đầu);

e) 01 bản ghi âm có nội dung tác phẩm.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Nghệ thuật biểu diễn tổ chức thẩm định và quyết định cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.[23]

---

[21] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

[22] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

[23] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[24]

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

2. Bãi bỏ các văn bản sau đây:

a) Chương II và Chương III Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ;

b) Quy chế hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 47/2004/QĐ-BVHTT ngày 02 tháng 7 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin;

c) Quy chế Tổ chức thi Hoa hậu, Hoa khôi, Người đẹp ban hành kèm theo Quyết định số 87/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Quy chế sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu hành, kinh doanh băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình ca nhạc, sân khấu ban hành kèm theo Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT ngày 05 tháng 8 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin;

đ) Thông báo số 5 (Văn bản số 453/VHTT-TB ngày 28 tháng 02 năm 1995 của Bộ Văn hóa - Thông tin) về việc sử dụng những bài hát sáng tác trước năm 1975 tại các tỉnh phía Nam;

e) Mục II Điều 1 và Mục II Điều 2 Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

---

[24] Các Điều 2 và 3 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016, quy định như sau:

*"**Điều 2. Điều Khoản thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

2. Bãi bỏ Điều 25 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp nhãn kiểm soát bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./."

3. Bãi bỏ các quy định do các Bộ, ngành và địa phương ban hành có nội dung trái với các quy định tại Nghị định này.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn việc thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 2290/VBHN-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2016

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện

PHỤ LỤC

DANH MỤC MỘT SỐ BIỂU MẪU TRONG LĨNH VỰC BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT, TRÌNH DIỄN THỜI TRANG; THI NGƯỜI ĐẸP VÀ NGƯỜI MẪU; LƯU HÀNH, KINH DOANH BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH CA MÚA NHẠC, SÂN KHẤU

(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ)

1. Mẫu số 01: Đơn đề nghị cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

2. Mẫu số 02: Đơn đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

3. Mẫu số 03: Đơn đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

4. Mẫu số 04: Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước.

5. Mẫu số 05: Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa thí sinh đi tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế.

6. Mẫu số 06: Đơn đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

7. Mẫu số 07: [25]***(được bãi bỏ)***.

8. Mẫu số 08: Đơn đề nghị cấp giấy phép sử dụng bài hát sáng tác trước năm 1975 và ở nước ngoài.

---

[25] Mẫu số 7 được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

Kính gửi: - Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(đối với tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương)
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...
(đối với các tổ chức thuộc địa phương)

Nhà hát (Đơn vị)..... đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang:

1. Tên chương trình:.....
2. Nội dung chương trình:.....
3. Thời lượng chương trình (số phút):.....
4. Người chịu trách nhiệm chương trình:.....
5. Thời gian: Từ ngày... tháng... năm..... đến ngày... tháng... năm.....
6. Địa điểm:.....
7. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: Văn thư.	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 02

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

Kính gửi: - Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(đối với tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương)
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...
(đối với các tổ chức thuộc địa phương)

Nhà hát (Đơn vị)..... đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp giấy phép cho tổ chức (cá nhân) nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

1. Tên đoàn nghệ thuật (hoặc thông tin cá nhân: Số hộ chiếu, địa chỉ liên hệ tại Việt Nam hay ở nước ngoài)

2. Nội dung chương trình:.....

3. Thời lượng chương trình (số phút):.....

4. Người chịu trách nhiệm chương trình:.....

5. Thời gian: Từ ngày..... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng.... năm.....

6. Địa điểm:.....

7. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: Văn thư	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 03

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

Kính gửi: - Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(đối với tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương)
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...
(đối với các tổ chức thuộc địa phương)

Nhà hát (Đơn vị)..... đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp giấy phép cho tổ chức (cá nhân) ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang:

1. Tên đoàn nghệ thuật (hoặc cá nhân):.....

2. Nội dung chương trình:.....

3. Người chịu trách nhiệm chương trình:.....

4. Thời gian: Từ ngày... tháng... năm..... đến ngày.... tháng.... năm.....

5. Địa điểm:.....

6. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: Văn thư	**CÁ NHÂN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 04

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước

Kính gửi: - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(đối với cuộc thi Người đẹp có quy mô toàn quốc, Người đẹp quốc tế, Người mẫu quốc tế tại Việt Nam)
- Cục Nghệ thuật biểu diễn
(đối với cuộc thi Người đẹp có quy mô vùng, ngành, đoàn thể Trung ương, Người mẫu có quy mô toàn quốc)
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
(đối với cuộc thi Người đẹp và người mẫu trong phạm vi địa phương)

Đơn vị..... đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) cấp giấy phép tổ chức cuộc thi Người đẹp, Người mẫu tổ chức trong nước.

1. Tên đơn vị:.....
2. Tên cuộc thi:.....
3. Nội dung cuộc thi:.....
4. Người chịu trách nhiệm cuộc thi:.....
5. Thời gian: Từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày... tháng... năm.....
6. Địa điểm:.....
7. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: Văn thư	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 05

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép đưa thí sinh đi tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế

Kính gửi: Cục Nghệ thuật biểu diễn - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Đơn vị..... đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép cho đơn vị đưa thí sinh..... đạt danh hiệu tại cuộc thi..... đi tham dự người đẹp, người mẫu quốc tế

1. Tên thí sinh:..... Năm sinh.....

2. Tên cuộc thi:.....

4. Người chịu trách nhiệm đưa thí sinh đi dự thi:.....

5. Thời gian: Từ ngày... tháng... năm..... đến ngày.... tháng.... năm.....

6. Địa điểm:.....

7. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: Văn thư	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 06

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu

Kính gửi: - Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(đối với tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương)
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...
(đối với các tổ chức thuộc địa phương)

Đơn vị..... được thành lập ngày.... tháng.... năm... theo giấy phép số... của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố...) cấp, có chức năng sản xuất, lưu hành và nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

Thực hiện kế hoạch của đơn vị, chúng tôi đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) thẩm định và phê duyệt nội dung chương trình dưới đây:

1. Tên chương trình:.....

2. Thời lượng chương trình (số phút):.....

3. Người chịu trách nhiệm chương trình:.....

4. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: Văn thư	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 08

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép sử dụng bài hát sáng tác trước năm 1975 và ở nước ngoài

Kính gửi: Cục Nghệ thuật biểu diễn - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân: Năm sinh, số hộ chiếu)

2. Địa chỉ:.....

3. Điện thoại:.....

Đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho phép được phổ biến một số sáng tác trước năm 1975 tại các tỉnh phía Nam (hoặc do người Việt Nam định cư ở nước ngoài sáng tác) gồm các tác phẩm sau:

STT	Tên bài hát	Tác giả	Năm sáng tác	Ghi chú
1				
2				

Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: Văn thư	**CÁ NHÂN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng